

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17-4-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Xuân Tồn

2. Bà Hoàng Thị Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2018 v/v ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST ngày 28/3/2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T (Có mặt), sinh năm 1973.

- **Bị đơn:** Chị Lê Thị H (Có mặt), sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T (nguyên đơn) trình bày: Anh và chị H chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay, không đăng ký kết hôn. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình sống chung, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh nhận thấy anh chị đã hết yêu thương nhau, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân và đã ly thân với nhau từ tháng 10/2017 nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/02/2012. Anh T nhận nuôi dưỡng cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai của chị Lê Thị H (bị đơn) trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Chị H thừa nhận cuộc sống gia đình không hợp nhau, anh T thường xuyên đánh đập chửi bới chị và gia đình chị dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, đã ly thân từ tháng 10/2017. Đối với yêu cầu của anh T về: xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng, chia tài sản chung, nợ chung thì chị H đồng ý với yêu cầu của anh T và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H là vợ chồng.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng: giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/02/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **1. Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn, anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng với thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2] 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011, anh T và chị H đã tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới với sự chứng kiến của gia đình 02 bên nhưng anh T và chị H không đăng ký kết hôn. Lẽ ra, khi chung sống với nhau thì anh chị phải yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững. Nhưng sau một thời gian chung sống thì cả hai cùng bộc lộ những tính cách khác nhau, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không thông cảm với nhau, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình điều tra chị H cũng thừa nhận là vợ chồng anh chị có quá nhiều mâu thuẫn nên hôn nhân không thể kéo dài. Anh T và chị H cũng đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2017, không quan T đến nhau nữa; quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là trầm trọng, hôn nhân của anh chị thật sự không đạt được mục đích và anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H đều đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, hôn nhân giữa anh T và chị H không có đăng ký kết hôn, mặc dù các bên đủ các điều kiện để đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.

[3] 2.2. Về con chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất giao cháu Nguyễn Hoàng L (sinh ngày 08/02/2012) cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Việc thỏa thuận của các bên là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] 2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[5] 2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] **3. Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc ly hôn, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/02/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000840 ngày 05/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng